TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bá Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 18/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Số G phố T, phường C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn A – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S1 – Chi nhánh B.

(*Theo Giấy ủy quyền số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/07/2023*)

Địa chỉ: Số B đường V, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn A ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Văn H1 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 10/2025/UQQ-SHBBTH ngày 06/5/2025 (Có mặt)

Địa chỉ: Số B V, phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH L1

Địa chỉ trụ sở: Thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn S, xã S, tỉnh Lâm Đồng)

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Phước T – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, tỉnh Lâm Đồng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Phước T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường H, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày: Công ty TNHH L1 có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng S1) theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 với số tiền 4.500.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 25/4/2023 đến ngày 25/4/2024), mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Ngay sau khi ký kết hợp đồng công ty TNHH L1 đã nhận đủ số tiền trên vào ngày 10/7/2023 theo khế ước nhận nợ số 01-044/2023/HĐHM-PN. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Trương Phước T, bà Nguyễn Thị L đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng S1 cụ thể:

Ngày 15/7/2022, tại Văn phòng C1 các bên đã ký hợp đồng thế chấp số 093/2022/HĐTC-PN/SHB.132100, số công chứng 09657, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD, sau khi ký kết Ngân hàng S1 đã tiến hành đăng ký thế chấp tài sản trên tại Chi nhánh Văn phòng Đ trong ngày 15/7/2022 đối với toàn bộ đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 485407, số vào sổ cấp GCN: CH 00006 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 21/4/2022, cập nhật biến động ngày 25/5/2022. Ngày 25/4/2023, tại Văn phòng C1 các bên đã ký phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-093/2022/HĐTC-CN/SHB.132100, số công chứng 03481, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Trong quá trình vay vốn, Công ty TNHH L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng S1 đã nhiều lần thông báo việc vi phạm hợp đồng tín dụng nhưng Công ty TNHH L1 không hợp tác.

Nay Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung sau: Buộc Công ty TNHH L1 phải trả nợ cho Ngân hàng S1 số tiền gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 69.371.779 đồng, lãi quá hạn 922.475.079

đồng và lãi chậm trả là 4.740.539 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử ngày 15/8/2025 là 5.496.587.397 đồng

Kể từ ngày 16/8/2025, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ Công ty TNHH L1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023. Trường hợp Công ty TNHH L1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 093/2022/HĐTC-PN/SHB.132100, số công chứng 09657, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/7/2022 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-093/2022/HĐTC-CN/SHB.132100, số công chứng 03481, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục hòa giải vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để các đương sự hòa giải, tuy nhiên bị đơn Công ty TNHH L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, ông Trương Phước T đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, không có mặt theo thời gian và địa điểm đã được thông báo công khai nên Tòa án không thể hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hoà giải, Toà án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời gian giải quyết vụ án đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, phiên toà tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 86, 227 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 303, Điều 307, Điều 319, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 74, Điều 75 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Uỷ ban Thường vụ hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH L1 phải trả cho Ngân hàng S1 số tiền gốc 4.500.000.000 đồng tiền lãi trong hạn 69.371.779 đồng, lãi quá hạn 922.475.079 đồng và lãi chậm trả là 4.740.539 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử 15/8/2025 là 5.496.587.397 đồng.

Kể từ ngày 16/8/2025, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ Công ty TNHH L1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023. Trường hợp Công ty TNHH L1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 093/2022/HĐTC-PN/SHB.132100, số công chứng 09657, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/7/2022 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-093/2022/HĐTC-CN/SHB.132100, số công chứng 03481, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH L1 trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023. Theo cung cấp thông tin của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh B vào ngày 16/4/2015 thì bị đơn Công ty TNHH L1 có trụ sở chính tại thôn S, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận (nay là xã S, tỉnh Lâm Đồng) nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Lâm Đồng.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 được ký kết giữa nguyên đơn ngân hàng S1 với bị đơn Công ty TNHH L1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng cụ thể: Theo

hợp đồng tín dụng 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 thì ngân hàng S1 cho bị đơn Công ty L1 vay số tiền gốc 4.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ đã chuyển sang quá hạn từ ngày 10/01/2024 nên Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền gốc 4.500.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi mà ngân hàng S1 tính đến ngày 15/8/2025 của hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 là 996.587.397 đồng, trong đó nợ trong hạn 69.371.779, nợ lãi quá hạn 922.475.079 đồng, lãi chậm trả là 4.740.539 đồng. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngân hàng S1 đã chuyển khoản nợ trên thành khoản nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết là phù hợp với quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức Tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S1 buộc Công ty TNHH L1 có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/8/2024 là 5.496.587.397 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 từ ngày 16/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Trường hợp bị đơn Công ty L1 không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 thì ngân hàng S1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ quy định tại Điều 212, Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự và Hợp đồng thế chấp số 093/2022/HĐTC-PN/SHB.132100, số công chứng 09657, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/7/2022 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-093/2022/HĐTC-CN/SHB.132100, số công chứng 03481, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa ngân hàng S1 và ông Trương Phước T, bà Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Đồng thời, tài sản thế chấp đã được được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng Đ là đã đảm bảo các điều kiện khi thế chấp tài sản tại các tổ chức tín dụng nên trong trường hợp bị đơn Công ty TNHH L1 không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền theo hợp đồng nói trên thì ngân hàng S1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 398, tờ bản đồ số 16; địa chỉ thửa đất tại khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận (Nay là thôn X, xã B, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DB 485407, số vào sổ cấp GCN:

CH00006 ngày 21/4/2022, cập nhật biến động ngày 25/5/2022 đứng tên Nguyễn Thị L.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 165, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 307, Điều 319, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 74, Điều 75 Luật Doanh nghiệp

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

1. Buộc Công ty TNHH L1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2025 là 5.496.587.397 đồng, gồm: Tiền gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 69.371.779 đồng, lãi quá hạn 922.475.079 đồng và lãi chậm trả là 4.740.539 đồng.

Kể từ ngày 16/8/2025 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ, Công ty TNHH L1 còn phải chịu khoản tiền lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Trường hợp Công ty TNHH L1 không thanh toán khoản nợ hoặc thanh toán không đầy đủ theo hợp đồng tín dụng số 044/2023/HĐHM-PN/SHB.132100 ngày 25/4/2023 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan

thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ theo hợp đồng thế chấp số 093/2022/HĐTC-PN/SHB.132100, số công chứng 09657, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/7/2022 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-093/2022/HĐTC-CN/SHB.132100, số công chứng 03481, quyển số 04/2023 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa Ngân hàng S1 và ông Trương Phước T, bà Nguyễn Thị L đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 15/7/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đ.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp không đủ thanh toán nợ vay Công ty TNHH L1 vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng Thươngcổ phần S - Hà Nội. Trường hợp giá trị tài sản thế chấp sau khi trả hết các khoản nợ còn dư thì được trả lại cho bên thế chấp.

3. Về án phí: Buộc Công ty TNHH L1 phải chịu 113.496.587 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 56.506.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009207 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

4. Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH L1 trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 5.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 13 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; (*Qua Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - Lâm Đồng*)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Xuân Ngọc